

ASSESSMENT OF THE CURRENT SITUATION AND FACTORS INFLUENCING THE APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN STUDENTS' LEARNING AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2025

Le Thi Hong My, Nguyen Anh Thu, Nguyen Truong Thai Huy,
Nguyen Phuc Hung*, Pham Thanh Suol, Ngo Phuong Thao, Nguyen Thi Bich

Can Tho University of Medicine and Pharmacy - 179 Nguyen Van Cu, Tan An Ward, Can Tho City, Vietnam

Received: 12/09/2025

Revised: 04/10/2025; Accepted: 10/10/2025

ABSTRACT

Objective: To assess the current situation and identify factors influencing the application of information technology in student learning at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2025.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 853 students from 11 majors between May to August, 2025, using a structured questionnaire for data collection.

Results: Females accounted for 59%; first-year students were the largest group (39.5%). The frequency of information technology software use in learning was mostly several times per week (53.5%). Most students had an information technology certificate (60.6%). There are four factors affecting the ability to employ technological tools, all with Sig values less than 0.005 including: (1) Support for scientific research; (2) Communication and collaboration; (3) Information searching and processing; (4) Review and testing.

Conclusion: Support for scientific research was the most influential factor. Other activities such as communication, collaboration, review and testing also played an important role in enhancing students' application of IT in learning.

Keywords: Information technology, application, learning, factors.

*Corresponding author

Email: nphung@ctump.edu.vn **Phone:** (+84) 909754664 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3445**

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2025

Lê Thị Hồng Mỹ, Nguyễn Anh Thư, Nguyễn Trương Thái Huy,
Nguyễn Phúc Hưng*, Phạm Thành Suôi, Ngô Phương Thảo, Nguyễn Thị Bích

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ - 179 Nguyễn Văn Cừ, P. Tân An, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận: 12/09/2025

Ngày sửa: 04/10/2025; Ngày đăng: 10/10/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Khảo sát thực trạng và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2025.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 853 sinh viên thuộc 11 ngành, thực hiện từ tháng 5-8 năm 2025, thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi.

Kết quả: Nữ chiếm 59%; sinh viên năm nhất nhiều nhất (39,5%). Tần suất sử dụng phần mềm công nghệ chủ yếu vài lần/tuần (53,5%). Đa số có chứng chỉ tin học (60,6%). Có 4 nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sử dụng các công cụ công nghệ, tất cả đều có giá trị Sig. < 0,005 bao gồm: (1) Hỗ trợ nghiên cứu khoa học; (2) Giao tiếp và hợp tác; (3) Tra cứu và xử lý thông tin; (4) Ôn luyện và kiểm tra.

Kết luận: Hỗ trợ nghiên cứu khoa học là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất. Các hoạt động khác như giao tiếp, hợp tác, ôn luyện và kiểm tra cũng góp phần quan trọng trong nâng cao sử dụng công nghệ của sinh viên.

Từ khóa: Công nghệ thông tin, ứng dụng, học tập, nhân tố.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0, nhân loại đang chứng kiến sự bứt phá của kỷ nguyên số, thay đổi toàn diện cách sống, làm việc và giao tiếp. Nhà nước đã triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030, thúc đẩy số hóa trong giáo dục, đặc biệt tại các trường đại học với việc phát triển học liệu điện tử, nền tảng dạy-học trực tuyến và quản lý đào tạo [1]. Riêng lĩnh vực y tế, chuyển đổi số được ưu tiên thông qua số hóa hồ sơ bệnh án, ứng dụng công nghệ trong khám chữa bệnh và đào tạo nhân lực [2].

Theo nghiên cứu của Trường Đại học Y khoa Vinh, các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm: đầu tư hạ tầng, bồi dưỡng năng lực, xây dựng quy chế quản lý và giám sát thực hiện [3]. Tuy nhiên, dù giảng viên tích cực sử dụng hệ thống quản lý học tập, thư viện điện tử và công cụ tương tác trực tuyến, sinh viên vẫn còn hạn chế về kỹ năng số, thói quen tự học. Hạ tầng và chính sách

hỗ trợ tại một số cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu đào tạo cá thể hóa.

Từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng sử dụng công nghệ và các yếu tố liên quan của sinh viên, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo với đề tài: “Đánh giá thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm 2025”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên của tất cả các ngành đang theo học tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang

*Tác giả liên hệ

Email: nphung@ctump.edu.vn Điện thoại: (+84) 909754664 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD18.3445>

có phân tích.

- Cỡ mẫu áp dụng công thức đối với quần thể lớn:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Theo Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe của Phạm Văn Linh [4], xác định được $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; $\alpha = 0,05$; $d = 0,05$; $p = 0,5$.

Thay vào công thức, tính được cỡ mẫu là $n = 385$, lấy thêm 10% phòng trường hợp nằm trong tiêu chuẩn loại trừ nên cỡ mẫu cần lấy là $n = 424$. Thực tế trong nghiên cứu, chúng tôi thu thập được 853 mẫu thỏa mãn điều kiện nghiên cứu.

Tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo các ngành.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu ngẫu nhiên và thuận tiện trong thời gian từ tháng 5-8 năm 2025.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Khảo sát thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm 2025.

+ Đánh giá các nhân tố tác động đến việc ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm 2025.

- Phương pháp thu thập số liệu: ngẫu nhiên, thuận tiện bằng cách phỏng vấn trực tuyến sinh viên tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ.

- Phương pháp xử lý và phân tích số liệu: dữ liệu thu được trong nghiên cứu sẽ được làm sạch và tiến hành phân tích trên phần mềm SPSS phiên bản 22. Các yếu tố được thực hiện kiểm định thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha và sự tương quan giữa các yếu tố qua phân tích hồi quy đa biến bằng phương pháp "Enter". Những biến quan sát không đảm bảo độ tin cậy sẽ bị loại ra và không xuất hiện tại phần phân tích nhân tố khám phá (EFA).

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức về tôn trọng lợi ích, nguyện vọng và công bằng đối với mỗi đối tượng tham gia. Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu (n = 853)

Đặc điểm mẫu nghiên cứu		Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	350	41,0
	Nữ	503	59,0
Ngành học	Y khoa	469	55,0
	Dược học	112	13,1
	Răng hàm mặt	48	5,6
	Kỹ thuật hình ảnh	16	1,9
	Xét nghiệm y học	38	4,5
	Điều dưỡng	42	4,9
	Hộ sinh	13	1,5
	Y tế công cộng	13	1,5
	Y học cổ truyền	52	6,1
	Y học dự phòng	43	5,0
	Kỹ thuật y sinh	7	0,8
Khóa	36	70	8,2
	37	39	4,6
	38	74	8,7
	46	58	6,8
	47	67	7,9
	48	111	13,0
	49	97	11,4
	50	337	39,5
Xếp loại học kì gần nhất	Xuất sắc	79	9,3
	Giỏi	202	23,7
	Khá	376	44,1
	Trung bình	167	19,6
	Yếu/kém	29	3,4

Nghiên cứu được thực hiện trên 853 sinh viên, trong đó nữ chiếm đa số (59%), nam chiếm 41%. Về ngành học, sinh viên y khoa chiếm tỷ lệ cao nhất (55%), tiếp theo là dược học (13,1%) và y học cổ truyền (6,1%). Một số ngành khác có tỷ lệ thấp hơn như kỹ thuật y sinh (0,8%) hay hộ sinh, y tế công cộng (1,5%). Xét theo khóa học, khóa 50 chiếm tỷ lệ cao nhất (39,5%), trong khi khóa 37 có tỷ lệ thấp nhất (4,6%). Về học lực, nhóm sinh viên đạt loại khá chiếm tỷ lệ cao nhất (44,1%), tiếp theo là giỏi (23,7%) và xuất sắc (9,3%); nhóm trung bình chiếm 19,6%, còn nhóm yếu/kém chiếm 3,4%.

3.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên Trường Đại học Y dược Cần Thơ

Bảng 2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (n = 853)

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin		Tần số	Tỉ lệ (%)
Tần suất sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin (Word, Excel, E-learning...) trong học tập của anh/chị?	Hàng ngày	318	37,3
	Vài lần trong tuần	456	53,5
	Rất ít	79	9,3
Anh/chị có chứng chỉ công nghệ thông tin không?	Có	517	60,6
	Không	336	39,4
Anh/chị có biết sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản (như Microsoft Word, Google Docs...)?	Có	843	98,8
	Không	10	1,2
Anh/chị có biết cách sử dụng phần mềm bảng tính (như Excel, Google Sheets...)?	Có	834	97,8
	Không	19	2,2
Anh/chị có từng học hoặc được đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản?	Có	746	87,5
	Không	107	12,5
Anh/chị có khả năng tự học hoặc tìm kiếm tài liệu học qua internet?	Có	842	98,7
	Không	11	1,3
Anh/chị có cảm thấy tự tin khi sử dụng các công cụ công nghệ thông tin phục vụ học tập?	Có	734	86,0
	Không	119	14,0
Trường có cung cấp tài liệu học tập online cho sinh viên không?	Có	805	94,4
	Không	48	5,6

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin		Tần số	Tỉ lệ (%)
Anh/chị có sử dụng email hoặc các kênh chính thức để trao đổi học vụ với giảng viên?	Có	633	74,2
	Không	220	25,8
Anh/chị có kết nối internet ổn định ở trường không?	Có	398	46,7
	Không	455	53,3
Anh/chị có được nhà trường hỗ trợ công cụ hoặc phần mềm công nghệ thông tin miễn phí?	Có	606	71,0
	Không	247	29,0
Anh/chị đã từng gặp khó khăn khi sử dụng công nghệ thông tin trong học tập do thiếu thiết bị hoặc kỹ năng?	Có	652	76,4
	Không	201	23,6
Anh/chị có thấy nhà trường đang ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy?	Có	698	81,8
	Không	155	18,2
Anh/chị có đang chủ động tìm hiểu và áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình học tập của mình không?	Có	805	94,4
	Không	48	5,6
Anh/chị đã từng tham gia các khóa học, tập huấn liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập không?	Có	564	66,1
	Không	289	33,9
Anh/chị đã từng sử dụng công nghệ thông tin để trao đổi bài tập, thảo luận nhóm hoặc làm việc chung với bạn học không?	Có	820	96,1
	Không	33	3,9

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin		Tần số	Tỉ lệ (%)
Anh/chị hiện đã sử dụng thành thạo bao nhiêu phần mềm để phục vụ cho học tập?	< 3 phần mềm	350	41,0
	≥ 3 phần mềm	503	59,0

Liên quan đến năng lực công nghệ thông tin, phần lớn sinh viên sử dụng các phần mềm tin học hằng ngày hoặc vài lần/tuần (90,8%). Có đến 98,8% biết sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản và 97,8% biết dùng bảng tính. Đặc biệt, 87,5% sinh viên từng được đào tạo về kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản và 98,7% có khả năng tự học, tìm tài liệu qua internet. Tuy nhiên, chỉ 60,6% sinh viên có chứng chỉ công nghệ thông tin. Trong quá trình học tập, đa số sinh viên cảm thấy tự tin khi dùng công nghệ (86%), và 94,4% sinh viên chủ động tìm hiểu, áp dụng công nghệ vào học tập. Trường cũng có hỗ trợ ở mức độ nhất định: 94,4% sinh viên xác nhận có tài liệu học online, 71% sinh viên được cung cấp công cụ, phần mềm miễn phí và 81,8% sinh viên cho rằng nhà trường ứng dụng công nghệ hiệu quả. Ngoài ra, chỉ có 46,7% sinh viên đánh giá internet tại trường ổn định.

3.2. Đánh giá các nhân tố tác động đến việc ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ năm 2025

3.2.1. Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha

Sau khi kiểm tra mức độ tin cậy bằng Cronbach's

Alpha thì có 2 biến bị loại (R3, A1), 19 biến còn lại được quan sát, các biến có hệ số tương quan tổng biến > 0,3 và Cronbach's Alpha hệ số tin cậy > 0,6 đạt yêu cầu.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho các tiểu mục trong các thang đo lường các biến số

Kiểm tra sự hội tụ và sự phân biệt của các biến quan sát để kiểm định tính chính xác của thang đo bằng phân tích EFA. Từ kết quả phân tích EFA, có 4 nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin bao gồm: tra cứu và xử lý thông tin, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giao tiếp và hợp tác, ôn luyện và kiểm tra.

- Biến độc lập: với giá trị phương sai trích đạt 80,001% (> 60%); đồng thời, hệ số KMO 0,872 (> 0,5) và giá trị Sig. của kiểm định Bartlett < 0,001, chúng tôi tiếp tục tiến hành phân tích EFA cho các tiểu mục trong các thang đo lường các nhân tố độc lập. Kết quả phân tích cho thấy, giá trị Eigenvalue tại nhân tố thứ 4 đạt 2,650 (> 1) thỏa mãn điều kiện và hệ số tải của các biến quan sát > 0,5 đạt yêu cầu của nghiên cứu.

- Biến phụ thuộc: với giá trị phương sai trích đạt 91,201% (> 60%); đồng thời, hệ số KMO 0,883 (> 0,5) và giá trị Sig. của kiểm định Bartlett < 0,001. Sự tương quan giữa các tiểu mục rất chặt chẽ với nhân tố - hệ số tải đều lớn hơn 0,5.

Vậy bộ câu hỏi khảo sát về các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập sau khi đánh giá phân tích có 4 nhân tố, 19 biến độc lập và 4 biến phụ thuộc, thang đo đều đạt độ chính xác và tin cậy.

3.2.3. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến bằng phương pháp "Enter"

Bảng 3. Kết quả hồi quy đa biến

Biến	Hệ số không chuẩn hóa	Hệ số chuẩn hóa	Hệ số chuẩn hóa beta	t Sig.	Sig. Thống kê cộng gộp	VIF
(Constant)	2,28	0,129		18,841	0,000	
IP	0,106	0,023	0,148	4,577	0,000	1,017
S	0,157	0,025	0,208	6,398	0,000	1,025
C	0,119	0,026	0,150	4,591	0,000	1,043
R	0,077	0,22	0,114	3,508	0,000	1,022

Để đảm bảo tính phù hợp trong việc áp dụng phân tích hồi quy đa biến, đánh giá sự phân bố của phần dư là cần thiết. Ngoài ra, không có biến số nào được ghi nhận có hệ số phóng đại phương sai (VIF) nhỏ hơn 2 phù hợp với việc sử dụng thang đo Likert. Từ

bảng trên cho thấy, cả 4 nhóm nhân tố đều đạt mức ý nghĩa cần thiết (p-value > 0,05). Mô hình hồi quy đa biến chuẩn hóa dự đoán A ứng dụng công nghệ thông tin được xác định:

$$A = 0,148 \times IP + 0,208 \times S + 0,150 \times C + 0,114 \times R + e$$

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Qua khảo sát 853 sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, chúng tôi nhận thấy tỷ lệ nữ giới (59%) cao hơn nam giới (41%). Điều này cho thấy nữ giới có sự chủ động và tỉ mỉ hơn trong việc tìm kiếm, tiếp cận cũng như ứng dụng các công cụ học tập trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả học tập. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Al-Mashaqbeh I.A và cộng sự, cho rằng nữ giới sử dụng công nghệ cho mục đích học tập tương đương, thậm chí cao hơn nam giới [5]. Bên cạnh đó, sinh viên khóa 50 là nhóm tham gia khảo sát nhiều nhất, trong khi sinh viên khóa 37 chiếm tỷ lệ thấp nhất, có thể do số lượng sinh viên khóa này ít hoặc mức độ tham gia khảo sát hạn chế. Về học lực, phần lớn sinh viên đạt từ mức khá trở lên (44,1% ở mức khá) cho thấy khả năng tiếp thu và áp dụng công nghệ trong học tập tương đối tốt. Ngược lại, tỷ lệ sinh viên học lực yếu/kém (3,4%) khá thấp, phản ánh nhóm này còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ hoặc gặp khó khăn trong quá trình học tập, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập.

4.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên Trường Đại học Y dược Cần Thơ.

Kết quả khảo sát cho thấy công nghệ đã trở thành công cụ hỗ trợ quan trọng trong học tập của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, thể hiện rõ qua tần suất sử dụng: 53,5% sinh viên cho biết họ sử dụng công cụ công nghệ “vài lần trong tuần”, 37,3% sử dụng “hàng ngày” và chỉ 9,3% sử dụng “rất ít”. Về kỹ năng, trên 95% sinh viên thành thạo các phần mềm cơ bản như Word, Excel và có khả năng tự học qua internet, phản ánh nền tảng công nghệ vững vàng và khả năng thích ứng tốt với học tập số. Tuy nhiên, chỉ 60,6% sinh viên có chứng chỉ công nghệ thông tin, cho thấy còn sự chênh lệch giữa năng lực thực tế và chứng nhận học thuật. Bên cạnh đó, khoảng 75% sinh viên vẫn gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận công nghệ, chủ yếu do hạn chế về thiết bị hoặc kỹ năng, trong khi mức độ hài lòng với internet tại trường chỉ đạt 46,7%, cho thấy hạ tầng chưa thực sự đáp ứng nhu cầu học tập trực tuyến. Dù vậy, điểm tích cực là 86% sinh viên cảm thấy tự tin và 94,4% sinh viên chủ động áp dụng công nghệ vào học tập, chứng tỏ rằng nếu được hỗ trợ tốt hơn về cơ sở hạ tầng và có thêm các chương trình đào tạo chuyên sâu, sinh viên hoàn toàn có thể khai thác hiệu quả hơn nữa các công cụ số để nâng cao chất lượng học tập.

4.3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ

Nghiên cứu đã xây dựng thang đo mức độ ứng dụng công nghệ thông tin với 4 nhân tố chính. Kết quả

cho thấy độ tin cậy cao với Cronbach's Alpha: ứng dụng công nghệ thông tin ($\alpha = 0,963$), tra cứu và xử lý thông tin ($\alpha = 0,880$), hỗ trợ nghiên cứu khoa học ($\alpha = 0,943$), giao tiếp và hợp tác ($\alpha = 0,892$), ôn luyện và kiểm tra ($\alpha = 0,916$). Trong 5 thang đo, có 2 biến (R3, A1) chưa đạt yêu cầu vì hệ số tương quan biến-tổng $< 0,3$. Phân tích EFA được áp dụng để rút gọn biến quan sát, với KMO $> 0,5$ và Bartlett's Test có ý nghĩa ($p < 0,001$) chứng tỏ dữ liệu phù hợp. Các nhân tố có Eigenvalue > 1 được giữ lại, tổng phương sai trích của biến độc lập đạt 80,001% và biến phụ thuộc 91,201% ($\geq 50\%$), khẳng định mô hình phù hợp. Theo Hair J.F, hệ số tải nhân tố có giá trị chuẩn thay đổi tùy theo cỡ mẫu, nghĩa là ngưỡng để hệ số tải nhân tố đạt ý nghĩa thống kê sẽ thay đổi tùy thuộc vào khoảng kích thước mẫu [6]. Với cỡ mẫu 853, hệ số tải nhân tố của các biến đều $> 0,7$, cho thấy chất lượng thang đo rất tốt. Ma trận xoay cho kết quả đúng với 4 nhân tố ban đầu: tra cứu và xử lý thông tin, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giao tiếp và hợp tác, ôn luyện và kiểm tra. Biến phụ thuộc quy tụ về một nhân tố riêng, không tương quan với biến khác.

- Hỗ trợ nghiên cứu khoa học: sinh viên ứng dụng công nghệ hiệu quả trong phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trích dẫn tài liệu, phù hợp với nghiên cứu của Nguyen T.T và cộng sự [7], nhấn mạnh vai trò của các phần mềm như SPSS, Excel, EndNote trong nâng cao chất lượng nghiên cứu.

- Giao tiếp và hợp tác: sinh viên thường xuyên sử dụng Zoom và Google Meet để học nhóm và trao đổi với giảng viên, đồng thời họ báo cáo những trải nghiệm tích cực với các nền tảng này. Phát hiện này phù hợp với nghiên cứu Trải nghiệm học tập trực tuyến đồng bộ của sinh viên và triển vọng tại Việt Nam [5], cho thấy sinh viên có thể sử dụng các phòng thảo luận trực tuyến và hợp tác hiệu quả.

- Tra cứu và xử lý thông tin: sinh viên tận dụng Google và E-learning để tra cứu tài liệu, bài giảng, giúp mở rộng kiến thức và tiếp cận thông tin nhanh chóng, đa dạng, phục vụ tốt cho học tập và nghiên cứu tương quan với nghiên cứu của Yang Y và cộng sự cho thấy kết hợp học trên lớp và tìm kiếm tài liệu trực tuyến giúp nâng cao và tối ưu hóa quá trình học hỏi [9].

- Ôn luyện và kiểm tra: sinh viên có xu hướng sử dụng phần mềm ôn luyện, kiểm tra trực tuyến và ứng dụng sơ đồ tư duy, phù hợp với nhận định của Redecker C rằng đánh giá bằng công nghệ số mang lại sự linh hoạt và toàn diện hơn trong kiểm tra, đánh giá [8].

Nghiên cứu tuy còn hạn chế về thời gian thực hiện và số mẫu khảo sát chưa thật sự lớn so với toàn bộ sinh viên, nhưng do bao quát đủ các ngành và khóa học nên vẫn đảm bảo sự đa dạng và phản ánh tương đối chính xác tình hình chung.

5. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng cả 4 nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin đều có tác động nhất định đến khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của sinh viên trong học tập. Kết quả cũng cho thấy phần lớn sinh viên đã có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.

Bên cạnh đó, chúng tôi đề xuất nhà trường cần cải thiện và hỗ trợ cơ sở hạ tầng công nghệ, nhằm giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn Trường Đại học Y dược Cần Thơ đã cho phép chúng tôi thu thập dữ liệu thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
- [2] Bộ Y tế. Kế hoạch hành động của Bộ Y tế triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/11/2021).
- [3] Lê Dũng, Nguyễn Thị Hải Lâm, Nguyễn Thị Vân Anh, Phan Thị Yên, Trần Thị Thân Thương, Phan Thị Hồng Linh. Thực trạng và giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tại Trường Đại học Y khoa Vinh. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, 2022, (1B): 106-111.
- [4] Phạm Văn Linh. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe. Nhà xuất bản Đại học Huế, 2010, tr. 92-93.
- [5] Al-Mashaqbeh I.A, Gasaymeh A.M. A study of undergraduate students' use of information and communication technology (ICT) and the variations by gender, academic major, and year of study. Eurasia J Math Sci Technol Educ, 2018, 14 (7): 3043-51.
- [6] Hair J.F. Multivariate data analysis. Upper Saddle River (NJ): Prentice Hall, 2010.
- [7] Nguyen T.T, Pham Q.H. The role of information technology skills in students' research capacity: Evidence from Vietnamese universities. J Educ Technol, 2020.
- [8] Lê M.T.T, Trần K.V. Synchronous virtual learning students' experience and the prospect in Vietnam. Int J Soc Sci Hum Res, 2022, 5 (12): 5430-5436.
- [9] Yang Y, Shin A, Kang M, Kang J, Song J.Y. Can we delegate learning to automation? A comparative study of LLM chatbots, search engines, and books. arXiv, 2024. Available from: <https://arxiv.org/abs/2410.01396>
- [10] Redecker C. European framework for the digital competence of educators: Digital assessment and new learning paradigms. Luxembourg: European Commission, 2017.